

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ L  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2020/KDTM-ST

Ngày: 22-9-2020

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán  
hàng hóa

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH AN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thùy Giang

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Võ Thanh Tân
2. Ông Phạm Thành Ngôn

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Huỳnh Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*** Không tham gia.

Ngày 22 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 22/2020/TLST-KDTM ngày 21 tháng 5 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 293/2020/QĐXXST-KDTM ngày 24 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 306/2020/QĐST-KDTM ngày 11 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn:*** Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên X (Công ty X)

Trụ sở: Số 316/1A đường Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Phan Văn Nh, chức vụ: Tổng Giám đốc

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Đoàn Lê V, sinh năm 1981, chức vụ: nhân viên phòng Kế toán (Văn bản ủy quyền ngày 13 tháng 5 năm 2020)

Địa chỉ liên hệ: Số 316/1A đường Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Gian

***2. Bị đơn:*** Ông Nguyễn Minh D – Chủ Doanh nghiệp tư nhân Nguyễn Minh

D

Địa chỉ: Số 92 đường K, khóm B, phường T, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng

*Tại phiên tòa, các đương sự đều vắng mặt*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình làm việc, hòa giải, giải quyết vụ án, Công ty X do ông Đoàn Lê V đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Giữa Công ty X và Doanh nghiệp tư nhân Nguyễn Minh D có quan hệ mua bán hàng hóa là gạch Tunnel từ lâu. Quá trình mua bán, doanh nghiệp tư nhân Nguyễn Minh D còn nợ tiền mua hàng hóa của Công ty X là 55.228.851 đồng. Đến ngày 02 tháng 01 năm 2019 thì Công ty X và Doanh nghiệp tư nhân Nguyễn Minh D tiếp tục ký kết Hợp đồng mua bán gạch Tunnel số 155/HĐMB/2019 ngày 02 tháng 01 năm 2019. Theo đó, Doanh nghiệp tư nhân Nguyễn Minh D đặt hàng theo số lượng, chủng loại hàng hóa cụ thể bằng fax hoặc điện thoại cho Chi nhánh Công ty TNHH MTV X – Nhà máy gạch Tunnel L. Từ ngày 02 tháng 01 năm 2019 cho đến ngày 17 tháng 4 năm 2020, Doanh nghiệp tư nhân Nguyễn Minh D đã mua bán hàng hóa của Công ty X với số tiền 707.365.691 đồng, và đã thanh toán cho Công ty X được 659.141.400 đồng. Công ty X và Doanh nghiệp tư nhân Nguyễn Minh D đã tiến hành đối chiếu công nợ nhiều lần (ngày 10 tháng 02 năm 2020 và ngày 16 tháng 3 năm 2020): Tính đến ngày 29 tháng 02 năm 2020, Doanh nghiệp tư nhân Nguyễn Minh D còn nợ Công ty X tiền mua hàng là 110.738.142 đồng. Sau khi đối chiếu công nợ, Doanh nghiệp tư nhân Nguyễn Minh D chỉ chuyển trả được 7.285.000 đồng, và không tiếp tục thanh toán nữa mặc dù Công ty X đã nhiều lần cử nhân viên đến đôn đốc.

Công ty X yêu cầu buộc ông Nguyễn Minh D và Doanh nghiệp tư nhân Nguyễn Minh D có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc và trả lãi chậm trả (theo Điều 4.4 của Hợp đồng số 155/HĐMB/2019 ngày 02 tháng 01 năm 2019) từ ngày 01 tháng 02 năm 2020 cho đến ngày 01 tháng 7 năm 2020; và tiếp tục tính lãi đến khi xét xử xong.

Sau khi Công ty X khởi kiện, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án thì Doanh nghiệp tư nhân Nguyễn Minh D chuyển trả cho Công ty X được thêm một khoản tiền. Tính đến ngày 22 tháng 9 năm 2020 thì Doanh nghiệp tư nhân Nguyễn Minh D còn nợ Công ty X số tiền 83.453.142 đồng. Nay Công ty X yêu cầu ông Nguyễn Minh D và Doanh nghiệp tư nhân Nguyễn Minh D phải trả cho Công ty X số tiền nợ gốc 83.453.142 đồng, tiền lãi chậm trả theo Hợp đồng đã ký kết tạm tính là 6.571.935 đồng ( $83.453.142 \text{ đồng} \times 0,75\%/\text{tháng} \times 150\% \times 07 \text{ tháng}$ ); và yêu cầu tiếp tục tính lãi đến khi xét xử xong.

*Bị đơn ông Nguyễn Minh D – Chủ doanh nghiệp tư nhân Nguyễn Minh D:*  
Vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và ý kiến cho Tòa án.

Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt không lý do, đồng thời Công ty X có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải, nên vụ án không tiến hành hòa

giải được. Do đó, Tòa án mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Tại phiên tòa:

- Công ty X do ông Đoàn Lê V đại diện có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và Tờ tự khai yêu cầu: ông Nguyễn Minh D và Doanh nghiệp tư nhân Nguyễn Minh D phải trả cho Công ty X số tiền nợ gốc 83.453.142 đồng, tiền lãi chậm trả theo Hợp đồng đã ký kết tạm tính là 6.571.935 đồng; và yêu cầu tiếp tục tính lãi đến khi xét xử xong.

- Ông Nguyễn Minh D – Chủ doanh nghiệp tư nhân Nguyễn Minh D vắng mặt, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và ý kiến về việc giải quyết vụ án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn (có đăng ký kinh doanh loại hình Công ty trách nhiệm hữu hạn) khởi kiện yêu cầu bị đơn (có đăng ký kinh doanh loại hình Doanh nghiệp tư nhân) trả tiền nợ mua bán hàng hóa theo Hợp đồng mua bán đã ký kết; nên Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án kinh doanh thương mại về “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”. Tại Điều 6 của Hợp đồng mua bán gạch Tunnel số 155/HĐMB/2019 ngày 02 tháng 01 năm 2019, các bên thỏa thuận “Trong trường hợp cả hai bên không đi đến thống nhất thì sẽ nhờ đến sự phân xử Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang...”, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố L.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do; nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Giữa Công ty X và Doanh nghiệp tư nhân Nguyễn Minh D có quan hệ mua bán hàng hóa là gạch Tunnel. Hình thức đặt hàng thông qua điện thoại, fax. Số lượng và chủng loại hàng hóa theo từng lần đặt hàng. Hình thức thanh toán là bằng tiền mặt, chuyển khoản hoặc bù trừ công nợ. Phương thức mua hàng là trả chậm 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Tính đến ngày 02 tháng 01 năm 2019 thì Doanh nghiệp tư nhân Nguyễn Minh D còn nợ Công ty X số tiền mua hàng là 55.228.851 đồng. Hai bên tiếp tục ký kết Hợp đồng mới số 155/HĐMB/2019 ngày 02 tháng 01 năm 2019 và tiếp tục thực hiện việc mua bán gạch Tunnel như đã thỏa thuận. Xét thấy, việc hai bên thỏa thuận, xác lập hợp đồng mua bán hàng hóa là có thật và phù hợp với quy định của Luật thương mại.

[3.2] Căn cứ vào các Biên bản đối chiếu công nợ ngày 10 tháng 02 năm 2020 và ngày 16 tháng 3 năm 2020 được Doanh nghiệp tư nhân Nguyễn Minh D

ký với Nhà máy gạch ngói Tunnel L (trực thuộc Công ty X) thì số tiền Doanh nghiệp tư nhân Nguyễn Minh D còn nợ, chưa thanh toán là 110.738.142 đồng. Đại diện nguyên đơn thừa nhận, sau khi đối chiếu công nợ thì Doanh nghiệp tư nhân Nguyễn Minh D đã chuyển trả được 27.285.000 đồng, nên số tiền còn nợ là 83.453.142 đồng. Nguyên đơn đã gửi thông báo về việc thanh toán công nợ, nhiều lần đôn đốc trả nợ, nhưng Doanh nghiệp tư nhân Nguyễn Minh D không thực hiện trả nợ, khi Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án thì bị đơn mới trả thêm một phần nợ. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không thể hiện ý kiến, không giao nộp tài liệu, chứng cứ về việc mua bán hàng hóa, số tiền còn nợ. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền nợ mua hàng hóa là có căn cứ.

[3.3] Về yêu cầu tính lãi đối với số tiền nợ gốc của nguyên đơn kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2020, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại Điều 4 Hợp đồng mới số 155/HĐMB/2019 ngày 02 tháng 01 năm 2019 các bên đã thỏa thuận "...lãi suất nợ quá hạn được tính theo biểu lãi suất cho vay của ngân hàng BIDV Chi nhánh An Giang tương ứng với số ngày trễ hạn thanh toán (lãi suất cho vay x 150% x số ngày trễ hạn thanh toán x số tiền nợ quá hạn)...". Việc thỏa thuận về mức lãi suất áp dụng trong trường hợp chậm thanh toán của các bên phù hợp với quy định của Luật thương mại. Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ ngày 01 tháng 02 năm 2020, nên phải chịu lãi đối với số tiền chậm thanh toán. Vì vậy, yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là có cơ sở để chấp nhận.

[3.4] Đối với mức lãi suất áp dụng, theo Công văn số 1640/BIDV.AG-QLRR ngày 22 tháng 9 năm 2020 của Ngân hàng thương mại cổ đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) – Chi nhánh An Giang thì mức lãi suất cho vay ngắn hạn (dưới 01 tháng) áp dụng từ ngày 15 tháng 9 năm 2020 là 7.5%/năm. Đây là mức lãi suất cho vay thấp nhất. Do các bên không thỏa thuận cụ thể mức lãi suất cho vay thuộc kỳ hạn nào, nên việc áp dụng mức lãi suất thấp nhất đối với cho thấp nhất là có lợi cho bị đơn.

[3.5] Về chủ thể có nghĩa vụ thanh toán: Nguyên đơn yêu cầu ông Nguyễn Minh D và Doanh nghiệp tư nhân Nguyễn Minh D có nghĩa vụ trả nợ. Hội đồng xét xử nhận thấy: Việc mua bán hàng hóa được xác lập giữa Công ty X với Doanh nghiệp tư nhân Nguyễn Minh D do ông Nguyễn Minh D là chủ doanh nghiệp. Theo quy định tại Điều 183 của Luật doanh nghiệp thì "Doanh nghiệp tư nhân là doanh nghiệp do một cá nhân làm chủ và tự chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về mọi hoạt động của doanh nghiệp". Vì vậy, chủ thể có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty X là ông Nguyễn Minh D – Chủ doanh nghiệp tư nhân Nguyễn Minh D.

[3.6] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty X: Buộc Ông Nguyễn Minh D – Chủ doanh nghiệp tư nhân Nguyễn Minh D có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty X số tiền nợ gốc, tiền lãi tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 22 tháng 9 năm 2020), cụ thể:

- Tiền nợ gốc: 83.453.142 đồng
- Tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán:

83.453.142 đồng x 7.5%/năm x 150% x 234 ngày (từ ngày 01 tháng 02 năm 2020 đến ngày 22 tháng 9 năm 2020) = 6.018.915 đồng

Tổng cộng: 89.472.057 đồng

[3.7] Kể từ ngày xét xử sơ thẩm (22 tháng 9 năm 2020), bị đơn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng mua bán số 155/HĐMB/2019 ngày 02 tháng 01 năm 2019 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên Công ty X không phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp khi khởi kiện. Ông Nguyễn Minh D – Chủ doanh nghiệp tư nhân Nguyễn Minh D phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 147, các Điều 227, 238, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Các Điều 24; 35; 37; 50; 55; 52 và Điều 306 Luật thương mại;

- Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên X đối với ông Nguyễn Minh D – Chủ doanh nghiệp tư nhân Nguyễn Minh D.

2. Buộc ông Nguyễn Minh D – Chủ doanh nghiệp tư nhân Nguyễn Minh D có nghĩa vụ trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên X nhận số tiền 89.472.057 đồng (tám mươi chín triệu bốn trăm bảy mươi hai nghìn không trăm năm mươi bảy đồng) tạm tính đến ngày 22 tháng 9 năm 2020 (Trong đó: Tiền nợ gốc là 83.453.142 đồng (tám mươi ba triệu bốn trăm năm mươi ba nghìn một trăm bốn mươi hai đồng); tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán là 6.018.915 đồng (sáu triệu không trăm mười tám nghìn chín trăm mười lăm đồng)).

3. Kể từ ngày xét xử sơ thẩm (ngày 22 tháng 9 năm 2020) ông Nguyễn Minh D – Chủ doanh nghiệp tư nhân Nguyễn Minh D còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng mua bán số 155/HĐMB/2019 ngày 02 tháng 01 năm 2019 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ này.

4. Về án phí:

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên X được nhận lại 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003027 ngày 20 tháng 5 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố L.

Ông Nguyễn Minh D – Chủ doanh nghiệp tư nhân Nguyễn Minh D phải chịu 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

#### 5. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự .*

#### **Nơi nhận:**

- TAND t. An Giang (1);
- VKSND tp. L (2);
- Chi cục THADS tp. L (1);
- Các đương sự (2);
- Văn phòng (4);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thùy Giang**

